

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Kiều

2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 498/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-HN ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Tiểu B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 41, ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp BC, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Lâm Tiểu B trình bày: Anh và chị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG, huyện GD. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lâm Đại A, sinh ngày 05-8-2014, hiện chị H đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không phù hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, anh chị nhiều lần cố gắng thay đổi và nhường nhịn để giữ vững hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không được và vợ chồng sống ly thân được khoảng 3 năm, trong khoảng thời gian ly thân anh chị không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn gia đình, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Hương.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị H được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, khi nào đến thăm có bao nhiêu thì anh hỗ trợ nuôi con bấy nhiêu. Mặc dù, anh biết trách nhiệm của người cha là phải nuôi con, tuy nhiên mấy năm gần đây anh bị bệnh nặng, một mình phải lo chi phí điều trị bệnh nên hiện tại rất khó khăn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Chị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh B.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bình; giao con cho chị H được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; tài sản và nợ chung, anh B khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Tiểu B và chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh B và chị H chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh B yêu cầu ly hôn, do anh và chị H không phù hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân anh chị không gặp nhau tìm cách bàn bạc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai và Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị H vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị H không có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh B và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh B đồng ý cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Lâm Đại A, sinh ngày 05-8-2014, tại đơn xin vắng mặt ngày 16-11-2020 chị H nguyện vọng được quyền nuôi con. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân cháu A sống chung với chị H đã ổn định được chị H và mẹ chị H là bà Lương Thị G trông nom, chăm sóc tốt. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu A cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B khai không có nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị H có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lâm Tiểu B với chị Nguyễn Thị Thu H. Anh B được ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lâm Đại A, sinh ngày 05-8-2014. Chị H không yêu cầu nên anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012291 ngày 09-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận anh B đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã CG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui